

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày: 24-5-2023

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Dương Thành Tính

+ Ông Đào Kim Kinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 08/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962, có mặt.

Địa chỉ: Xóm KĐ, thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Minh T, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ chỗ ở: Xóm VB, thôn AV, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn ML, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh K, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm VB, thôn AV, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào ngày 03/11/2021, bà Trịnh Thị Minh T (chủ hiệu thuốc tây MT) có đến nhà của bà mượn của bà số tiền 100.000.000 đồng. Giấy mượn tiền do chính bà T tự tay viết, trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng bà T có thỏa thuận

miệng với bà lãi suất 1,5%/tháng, thời gian trả tiền lãi và tiền gốc cho bà là qua tết nguyên đán Nhâm Dần 2022 được xác định theo thỏa thuận miệng là 05 tháng (thời gian mượn bắt đầu từ ngày 03/11/2021 đến qua tết (hết tháng giêng Âm lịch) tức ngày 03/4/2022. Quá trình vay, bà T trả lãi được trước 10.000.000 đồng và chưa trả nợ gốc cho bà.

Lúc bà T đến nhà của bà viết giấy mượn tiền và nhận tiền không có mặt chồng của bà T nhưng việc bà T mượn tiền thì ông Lê Thanh K chồng của bà T biết. Sau tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, bà trực tiếp đến gặp bà T để yêu cầu trả nợ gốc và lãi nhưng bà T hèn.

Sau đó, bà đã nhiều lần đến nhà bà T gặp trực tiếp vợ chồng bà T trao đổi về việc trả nợ, vợ chồng bà T hứa sẽ trả trong thời gian sớm nhất nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nay yêu cầu bà Trịnh Thị Minh T trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, và trả tiền lãi từ ngày 03/11/2021 đến ngày 24/5/2023 là $18,7 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} = 15.521.000 \text{ đồng}$, nhưng trừ 10.000.000 đồng đã trả lãi trước còn lại phải trả tiền lãi là 5.521.000 đồng. Tổng cộng bà Trịnh Thị Minh T phải trả nợ gốc và nợ lãi là 105.521.000 đồng.

* Tại bản trình bày ngày 10/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Minh T trình bày: Vào ngày 03/11/2021 bà có mượn của bà Nguyễn Thị M 100.000.000 đồng, ngoài ra không còn mượn khoản nào khác, với lãi suất là 2,5%/tháng, không quy định thời hạn trả, khi nào bà M đòi thì bà trả tiền gốc, bà đã trả trước cho bà M 04 tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng vào các tháng 12/2021, 01/2022, 02/2022, và tháng 3/2022. Sau đó bà làm ăn khó khăn nên bà không trả cho bà M tiền lãi được nữa. Nay bà M yêu cầu bà trả 100.000.000 đồng tiền gốc thì bà trả hàng tháng, mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Về tiền lãi bà xin bà M miễn trả tiền lãi vì hiện đang khó khăn về tài chính.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh K vắng mặt không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

+ Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Trịnh Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị M tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi là 5.521.000 đồng. Tổng cộng là 105.521.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trịnh Thị Minh T phải chịu 5.276.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thấy rằng:

Theo giấy mượn tiền ngày 03/11/2021 và lời trình bày của bà M, bà T có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất.

Giấy mượn tiền có nội dung: Tôi tên là Trịnh Thị Minh T, trú tại thôn An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi, tôi có mượn của cô M 100.000.000 đồng, ngày 03/11/2021 ký tên Trang, người cho mượn ký tên Nguyễn Thị M.

Như vậy, giấy mượn tiền vào ngày 03/11/2021 thể hiện một mình bà T mượn tiền của bà M và không có thể hiện ông K mượn tiền. Do đó có căn cứ xác định buộc bà Trịnh Thị Minh T trả nợ cho bà M số tiền gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về khoản tiền lãi: Bà T vay tiền từ ngày 03/11/2021 đến ngày 24/5/2023 là 18,7 tháng, tiền lãi là 18,7 tháng x 0,83%/tháng x 100.000.000 đồng = 15.521.000 đồng, nhưng bà T đã trả trước tiền lãi cho bà M 10.000.000 đồng được trừ ra còn phải trả tiền lãi là 5.521.000 đồng là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, bà Trịnh Thị Minh T phải trả tổng cộng gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị M là 105.521.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Do buộc bị đơn bà Trịnh Thị Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị M tổng cộng gốc và lãi là 105.521.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $105.521.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.276.050 \text{ đồng}$.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Trịnh Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị M tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền nợ lãi 5.521.000 đồng, tổng cộng 105.521.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, năm trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trịnh Thị Minh T phải chịu 5.276.050 đồng (Năm triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng